

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025**

#### **Phần I**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Giai đoạn 2016-2020, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Thông qua việc triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về CNTT, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, xây dựng nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, tài chính, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ứng dụng CNTT phát triển mạnh. Tổng kinh phí đã bố trí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 là 22.346,606 triệu đồng<sup>(1)</sup>. Hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt.

Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao. Môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải tiến theo hướng hiện đại. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao.

Chính quyền điện tử từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển Chính phủ điện tử, cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu mà tỉnh đã đề ra.

*(Kết quả chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)*

#### **Phần II**

### **KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật An toàn thông tin ngày 11 tháng 9 năm 2015;

<sup>(1)</sup> Trong đó, Ngân sách trung ương 290 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư: 0 triệu đồng; nguồn vốn sự nghiệp: 290 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 22.056,606 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư: 0 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp: 22.056,606 triệu đồng); Các nguồn vốn khác: 0 triệu đồng.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương;

- Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum (phiên bản 2.0);

- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

## **II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng

đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển chính quyền điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh.

### **III. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

#### **1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử;

- Phát triển, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; 100% CSDL dùng chung được chia sẻ, kết nối trên toàn tỉnh; các cơ quan nhà nước các cấp từng bước mở dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số;

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế-xã hội;

- 100% các hệ thống thông tin, CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị được nâng cấp, mở rộng và phát triển mới phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- Tổ chức triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc tại Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện; đến cuối 2025, phân đầu 80% cấp tỉnh, 50% huyện thực hiện họp thông qua hệ thống này tại các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

- 100% cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

#### **2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- 100% các Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ

công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

- Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử liên thông với các hệ thống của Trung ương;

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh;

- 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;

- 60% các hệ thống thông tin cấp tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại;

- Ứng dụng công nghệ số mới, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, tích hợp ISO điện tử.

### **3. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh;

- Nâng cao tính hệ thống, đồng bộ và chuẩn hóa công tác giám sát an toàn thông tin mạng; xây dựng đội ngũ giám sát an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp và kỷ luật;

- Tham gia, duy trì mạng lưới hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng trên toàn quốc, đảm bảo liên kết, liên thông, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan điều phối quốc gia (VNCERT/CC);

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (*kiện toàn lực lượng tại chỗ; lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc*

*lập; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia)* theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức;

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT ở các cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

#### **4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT**

- Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh theo đúng lộ trình;

- Chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với sự phát triển mạnh mẽ của các xu hướng công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước;

- Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm thành phố Kon Tum theo mô hình thành phố thông minh.

### **IV. NHIỆM VỤ**

#### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về công tác ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử;

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh: Rà soát, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử; xây dựng, cập nhật các văn bản về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước thuộc tỉnh nhằm triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ; ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy chế khai thác, sử dụng các Hệ thống thông tin, CSDL dữ liệu để đảm bảo phù hợp các nội dung quy định Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và tình hình triển khai thực tế; xây dựng các quy định, hướng dẫn về thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân;

- Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia sau khi được ban hành;

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT;

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ đã được phê duyệt.

## **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

- Bổ sung đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối, hạ tầng an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử tỉnh theo lộ trình;

- Hoàn thiện, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh, thông qua đó tổ chức tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên các công nghệ điện toán đám mây nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

- Đầu tư thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng mạng và hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, phòng máy chủ để hỗ trợ cho chủ quản hệ thống thông tin bảo vệ trước các cuộc tấn công mạng từ ngoài vào, đồng thời kiểm soát được các vấn đề bên trong hệ thống mạng;

- Đầu tư thiết bị, phần mềm phát hiện và phòng, chống xâm nhập cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; đầu tư thiết bị, phần mềm hỗ trợ theo dõi, phân tích sự kiện an toàn thông tin (từ các nguồn dữ liệu khác nhau) cho các hệ thống thông tin đáp ứng các chức năng theo hướng dẫn tại của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- UBND cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư mới và bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT cho các phòng máy chủ tại UBND cấp huyện và hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử địa phương theo lộ trình của Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh;

- UBND cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư trang bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho UBND cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin được đầu tư, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện ban hành tại

Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng của người dùng cuối theo lộ trình triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt;

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

### **3. Phát triển các hệ thống nền tảng**

- Triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ và CSDL dùng chung của tỉnh vào hệ thống; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu;

- Nâng cấp, mở rộng và phát triển các hệ thống thông tin nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng Thông tin điện tử, Thư điện tử công vụ, Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội để phù hợp với công tác quản lý của tỉnh, ngành, lĩnh vực;

- Rà soát và triển khai đồng bộ, thống nhất Mạng truyền số liệu chuyên dùng phù hợp với phạm vi và tính chất triển khai Chính quyền điện tử, tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin;

- Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Vận hành ổn định IPv6 trên các hệ thống thông tin điều hành và hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Yêu cầu các thiết bị CNTT, hệ thống thông tin, CSDL có kết nối Internet thuộc dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT bắt buộc phải hỗ trợ kết nối IPv6;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt là tốc độ Internet, triển khai hiệu quả băng tầng mạng di động 4G, 5G.

#### **4. Phát triển dữ liệu**

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh;

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn). Kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để khai thác, sử dụng;

- Hoạt động đầu tư mới CSDL, hệ thống thông tin tại các sở, ngành, địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, CSDL do các Bộ, ngành triển khai; không đầu tư trùng lặp với các CSDL quốc gia và danh mục các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Hoàn thiện, xây dựng mới các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. Các dự án, nhiệm vụ CNTT đang triển khai nhưng không xây dựng CSDL phải đảm bảo có các thành phần, môđun để kết nối, sử dụng dữ liệu do các hệ thống bên ngoài cung cấp. Đối với các CSDL, hệ thống thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu thì cần có kế hoạch nâng cấp để đảm bảo khả năng tiếp nhận kết nối, chia sẻ dữ liệu;

- Công bố và thường xuyên cập nhật danh mục các CSDL dùng chung của tỉnh; xây dựng và triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong phạm vi toàn tỉnh (gồm dữ liệu thống kê, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã được thông tin rộng rãi trên các cổng/trang thông tin điện tử, dữ liệu quan trắc,...). Phân đấu mỗi đơn vị trực thuộc cung cấp và duy trì ít nhất 01 bộ dữ liệu mở;

- Chủ quản các hệ thống thông tin tổ chức rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu trong phạm vi của mình quản lý đang được lưu trữ trong các CSDL để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. Trong trường hợp dữ liệu không đảm bảo cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau thì cần có kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu trong năm 2021 và các năm tiếp theo để sử dụng cho việc chia sẻ rộng rãi;

- Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi dữ liệu do mình quản lý theo Điều 24 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;



- Cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu nội bộ hàng năm, gửi báo cáo về cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2025 theo lộ trình được phê duyệt.

## **5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ**

### **5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, nhất là tại UBND các cấp, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử;

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước. Dữ liệu báo cáo được tổng hợp vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước;

- Nâng cấp hoàn thiện và triển khai Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ họp trực tuyến cho các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước;

- Xây dựng phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum;

- Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử với các cơ quan trên địa bàn tỉnh và các cơ quan Bộ, ngành, trung ương; trong các loại hình giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Mở rộng triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số trong xác thực văn bản điện tử cho các hệ thống thông tin, thiết bị di động để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước theo lộ trình của Chính phủ;

- Triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và đào tạo, quản lý khám, chữa bệnh; từng bước hình thành hệ thống thông tin về giáo dục điện tử, y tế điện tử trên địa bàn tỉnh để người dân được hưởng phúc lợi xã hội thông qua ứng dụng CNTT;

- Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng theo lộ trình triển khai của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh;

- Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Kon Tum (@kontum.gov.vn) và các hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai tại địa phương; hạn chế tối đa việc sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ.

## **5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt;

- Hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bổ sung dịch vụ, tiện ích trực tuyến phục vụ khách hàng. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và lộ trình của tỉnh;

- Rà soát, mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, danh mục TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến và danh mục TTHC áp dụng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC. Triển khai các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt như thẻ tín dụng, mobile money...;

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế-xã hội tỉnh Kon Tum; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính cho toàn tỉnh và hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân và các tiện ích khác;

- Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch ứng dụng CNTT của các ngành, lĩnh vực khác sau khi được phê duyệt.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức;

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ

thông, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh,...; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

- Chuẩn hóa hệ thống mạng, quy trình quản lý an toàn hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã;

- Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mô hình 4 lớp, phương án triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn cho các hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ;

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn;

- Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

- Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng;

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (*trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ*).

## **7. Phát triển nguồn nhân lực**

- Chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về Chuyển đổi số, Chính phủ điện tử, Chính phủ số; về khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh cho các thành viên Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức phụ trách về CNTT ở các ngành có ứng dụng chuyên sâu như: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông,...; trong đó, cần chú trọng đào tạo kiến thức chuyên sâu về an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin về kỹ năng phân tích dữ liệu, khai thác thông tin số;

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo thạc sĩ CNTT và viễn thông phù hợp với vị trí việc làm;

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử.

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Về môi trường chính sách**

- Tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách của Chính phủ về ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT;

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh;

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy định, quy chế về hệ thống thông tin dùng chung, an toàn thông tin, trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, các quy định về cập nhật CSDL, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,...;

- Duy trì, phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị trên địa bàn tỉnh; tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể những điểm còn hạn chế và triển khai các giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng về chỉ số về mức độ sẵn sàng cho phát triển chính phủ điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh;

- Rà soát, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung ứng dụng, phát triển CNTT vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## **2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính**

- Xây dựng các chương trình phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử với công tác cải cách hành chính; phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các hệ thống thông tin đã được đầu tư phục vụ hiện đại hóa hành chính;

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan;

- Thực hiện tốt việc đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện; đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông<sup>(2)</sup>. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT; bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (tiêu chí về hiện đại hóa nền hành chính); bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện; triển khai Chỉ số chuyển đổi số áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá chuyển đổi số. Tăng cường công tác kiểm tra ứng dụng CNTT tại các cơ quan, địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh”;

- Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

## **3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số;

<sup>(2)</sup> Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện; Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

- Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên các Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công;

- Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm phục vụ hành chính công, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube,...;

- Nâng cao chất lượng nội dung các chương trình truyền thông Chính phủ điện tử của tỉnh trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, tăng cường lồng ghép tuyên truyền về cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, chính quyền điện tử, chính quyền số; duy trì tổ chức các sự kiện ICT hàng năm.

#### **4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp**

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4;

- Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử;

- Ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định;

- Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh; thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin mạng đối với hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý hoặc kiểm tra, đánh giá đột xuất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

- Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Triển khai ứng dụng hiệu quả các công nghệ số**

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

#### **6. Thu hút nguồn lực CNTT**

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử;

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT;

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT, cung cấp các dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ CNTT sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm theo quy định của Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án khác;

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

- Huy động các nguồn lực theo hướng doanh nghiệp đầu tư, nhà nước thuê dịch vụ trọn gói; hợp tác công tư (PPP), kinh phí sự nghiệp... triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin, phát triển chính phủ điện tử.

- Tận dụng kinh phí từ Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam cho việc phát triển Chính phủ điện tử.

## **7. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn mạnh về phát triển Chính phủ điện tử/Chính phủ số, Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 Chi tiết tại Phụ lục V đính kèm Kế hoạch này.

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021 - 2025: 86.439 triệu đồng<sup>(3)</sup>.

- Đối với cấp huyện, xã: bố trí kinh phí để nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

- Phân kỳ hàng năm như sau: Năm 2021: 19.632,6 triệu đồng; Năm 2022: 16.901,6 triệu đồng; Năm 2023: 16.501,6 triệu đồng; Năm 2024: 16.901,6 triệu đồng; Năm 2025: 16.501,6 triệu đồng.

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum**

---

<sup>(3)</sup> Trong đó: Ngân sách trung ương: 0 triệu đồng; Ngân sách địa phương: 86.439 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư: 0 triệu đồng; Nguồn vốn sự nghiệp: 86.439 triệu đồng; Các nguồn vốn khác: 0 triệu đồng).

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ, hàng năm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch;

- Căn cứ Kế hoạch này, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ CNTT nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội;

- Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ viễn thông, CNTT tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật CNTT, viễn thông và công tác an toàn, an ninh thông tin;

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Bưu điện Kon Tum, các doanh nghiệp tham gia phát triển Chính quyền điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

**4. Sở Tài chính:** Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương



## **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, bảo đảm đồng bộ, gắn kết với các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là tại cấp huyện, cấp xã;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các chính sách đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT theo quy định (khi có chủ trương chính sách của Trung ương);

- Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, trong đó có kết hợp lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT.

## **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông đã được phê duyệt tại kế hoạch khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025, kế hoạch hàng năm;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông vào thực tiễn quản lý.

## **7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa thành Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm tại đơn vị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, địa phương nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này;

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ CNTT, hàng năm, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức lập dự toán triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT và đưa vào kế hoạch kinh phí trong năm tiếp theo gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ dự toán; đồng thời gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trong Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh;

- Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

### **8. Đài Phát thanh-Truyền hình Kon Tum, Báo Kon Tum, Cổng Thông tin điện tử tỉnh**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông tại địa phương.

Yêu cầu các cơ quan, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.MNK

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Y Ngọc**